

Số: 386/2022/QĐST-HNGĐ

Quận N, ngày 26 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 276/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1950
Thường trú: 94/B3 Đường H, Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1954
Thường trú: 94/B3 Đường H, Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn N và bà Lê Thị Tuyết M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phạm Văn N và bà Lê Thị Tuyết M thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông Phạm Văn N và bà Lê Thị Tuyết M tự khai có 03 (ba) con chung, tên là: Phạm Thụy B (nữ), sinh ngày 16/12/1989; Phạm Thụy V (nữ), sinh ngày 28/11/1992 và Phạm Thụy B1 (nữ), sinh ngày 17/01/1995: Điều đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Ông N và bà M tự khai đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Ông N và bà M tự khai đôi bên không có nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng, ông Phạm Văn N và bà Lê Thị Tuyết M mỗi người phải chịu một nửa là 75.000 (*bảy mươi lăm ngàn*) đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 và Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông N và bà M là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật, do đó ông N và bà M được miễn nộp số tiền án phí nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Quận N, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận N;
- UBND Phường C, Quận N, TP.HCM (GCNKH số 060, quyền số 01/98 ngày 02/11/1998);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Huế